

**BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: *106* /2021/TT-BQPHà Nội, ngày *06* tháng *8* năm 2021**THÔNG TƯ****Quy định về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau  
thiết kế cơ sở trong Bộ Quốc phòng**

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trong Bộ Quốc phòng.*

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (sau đây gọi tắt là thiết kế xây dựng) đối với dự án đầu tư xây dựng phục vụ quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư hoặc ủy quyền quyết định đầu tư.

2. Công trình chiến đấu; công trình trường bắn, thao trường huấn luyện thực hiện theo quy chế riêng của Bộ Quốc phòng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan chuyên môn về xây dựng, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng công trình.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng là Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng là Cục Hậu cần hoặc Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý xây dựng.

3. Người đề nghị thẩm định

a) Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt thiết kế xây dựng, người đề nghị thẩm định là Thủ trưởng của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị);

b) Đối với dự án do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt thiết kế xây dựng, người đề nghị thẩm định là chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư.

## **Chương II**

### **THẨM QUYỀN, NỘI DUNG THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

#### **Điều 4. Phê duyệt thiết kế xây dựng**

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng doanh trại Trụ sở cơ quan, đơn vị; dự án có công trình từ cấp II trở lên sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư:

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt thiết kế kỹ thuật trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công trường hợp thiết kế hai bước;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công trường hợp thiết kế ba bước.

2. Đối với dự án còn lại, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt thiết kế xây dựng.

3. Các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

#### **Điều 5. Thẩm định thiết kế xây dựng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt**

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định thiết kế kỹ thuật trường hợp thiết kế ba bước; thẩm định thiết kế bản vẽ thi công trường hợp thiết kế hai bước.

2. Nội dung thẩm định thiết kế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết gọn là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng;

b) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế;

c) Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế bước trước được cơ quan chuyên môn xác nhận (đóng dấu “THẨM ĐỊNH”);

d) Kiểm tra thiết kế xây dựng về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế;

đ) Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có);

e) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường (nếu có);

g) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng công trình theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết gọn là Nghị định số 10/2021/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình; các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình;

b) Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình;

c) Sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP với các nội dung và yêu cầu của dự án;

d) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố; việc vận dụng, tham khảo dữ liệu về chi phí của công trình tương tự và các công cụ cần thiết khác để xác định dự toán xây dựng công trình;

đ) Danh mục định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh (nếu có) và phương pháp xác định; xác định danh mục các định mức cần tổ chức khảo sát trong quá trình thi công xây dựng;

e) Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với thiết kế;

g) Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo tính đúng, tính đủ

theo quy định; phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ xây dựng, điều kiện thi công, biện pháp thi công xây dựng định hướng, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường;

h) Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm định.

#### **Điều 6. Thẩm định thiết kế xây dựng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt**

1. Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư trường hợp thiết kế hai bước:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng thẩm định các nội dung thiết kế theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g khoản 2 Điều 5; các nội dung dự toán theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 5 Thông tư này;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị thẩm định các nội dung thiết kế theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 và sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế, quy định của pháp luật có liên quan; các nội dung dự toán theo quy định tại các điểm e, g, h khoản 3 Điều 5 Thông tư này. Tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Quốc phòng và ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan làm cơ sở báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt thiết kế xây dựng.

2. Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đầu tư trường hợp thiết kế ba bước

Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan, đơn vị thẩm định các nội dung thiết kế theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 và các nội dung dự toán theo quy định tại các điểm e, g, h khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

3. Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ủy quyền quyết định đầu tư

Cơ quan chuyên môn về xây dựng của cơ quan đơn vị thực hiện thẩm định các nội dung theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

#### **Điều 7. Điều chỉnh thiết kế**

Điều chỉnh thiết kế thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Việc điều chỉnh thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy trình thẩm định, phê duyệt thiết kế trong các trường hợp:

a) Điều chỉnh, bổ sung thiết kế có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng

thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

b) Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế cơ sở.

2. Các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, phê duyệt, chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình và báo cáo người quyết định đầu tư.

### **Điều 8. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình**

Việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp: Khi điều chỉnh dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư; bổ sung thay đổi thiết kế không trái với thiết kế cơ sở; thay đổi cơ cấu chi phí dự toán xây dựng nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt.

2. Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh gồm phần dự toán xây dựng công trình không điều chỉnh và phần dự toán xây dựng công trình điều chỉnh.

3. Việc điều chỉnh dự toán phải được thẩm định, phê duyệt theo quy trình thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng trong các trường hợp:

a) Khi điều chỉnh tổng mức đầu tư;

b) Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh vượt dự toán đã phê duyệt nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt.

4. Các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, phê duyệt, chịu trách nhiệm về kết quả điều chỉnh của mình và báo cáo người quyết định đầu tư.

## **Chương III**

### **QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

#### **Điều 9. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng**

1. Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định

Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ theo quy định của pháp luật về kiến trúc.